

**PHỤ LỤC I**

**DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2021						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2022				Ghi chú	Chủ đầu tư			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 30/9/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tổng số	Trong đó:	
																			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>11.549.702</b>	<b>7.914.517</b>	<b>1.223.461</b>	<b>1.085.380</b>	<b>366.115</b>	<b>336.262</b>	<b>855.846</b>	<b>820.765</b>	<b>3.448.462</b>	<b>2.690.839</b>	<b>8.935.275</b>	<b>6.089.473</b>	<b>182.373</b>		<b>1.072.000</b>	<b>740.000</b>						
	<b>A Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>					<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>	<b>1.777</b>				<b>505</b>		<b>1.777</b>		<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>			<b>230.000</b>	<b>220.000</b>						
	<b>I Thực hiện dự án</b>					<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>	<b>1.777</b>				<b>505</b>		<b>1.777</b>		<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>			<b>230.000</b>	<b>220.000</b>						
	<b>(1) Các dự án khởi công mới năm 2022</b>					<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>	<b>1.777</b>				<b>505</b>		<b>1.777</b>		<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>			<b>230.000</b>	<b>220.000</b>						
	<b>a Dự án nhóm A</b>					<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>	<b>1.777</b>				<b>505</b>		<b>1.777</b>		<b>3.322.575</b>	<b>2.347.313</b>			<b>230.000</b>	<b>220.000</b>						
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh	TP. Cà Mau	1.200 giường	2020 - 2025	05/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	3.322.575	2.347.313	1.777				505		1.777		3.322.575	2.347.313			230.000	220.000				Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
	<b>B NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>					<b>991.813</b>	<b>746.549</b>	<b>187.044</b>	<b>154.240</b>	<b>122.588</b>	<b>106.240</b>	<b>163.827</b>	<b>131.023</b>	<b>810.232</b>	<b>546.338</b>	<b>190.670</b>	<b>157.866</b>	<b>82.373</b>									
	<b>I Thực hiện dự án</b>					<b>991.813</b>	<b>746.549</b>	<b>187.044</b>	<b>154.240</b>	<b>122.588</b>	<b>106.240</b>	<b>163.827</b>	<b>131.023</b>	<b>810.232</b>	<b>546.338</b>	<b>190.670</b>	<b>157.866</b>	<b>82.373</b>									
	<b>(1) Các dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</b>					<b>991.813</b>	<b>746.549</b>	<b>187.044</b>	<b>154.240</b>	<b>122.588</b>	<b>106.240</b>	<b>163.827</b>	<b>131.023</b>	<b>810.232</b>	<b>546.338</b>	<b>190.670</b>	<b>157.866</b>	<b>82.373</b>									
	<b>a Dự án nhóm B</b>					<b>668.905</b>	<b>444.368</b>	<b>95.182</b>	<b>62.378</b>	<b>38.835</b>	<b>22.487</b>	<b>71.965</b>	<b>39.161</b>	<b>575.489</b>	<b>364.145</b>	<b>95.182</b>	<b>62.378</b>	<b>885</b>									
1	Dự án đầu tư xây dựng Kè cấp bách tại xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Đầm Dơi	2.773 m	2016-2020	545/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1765/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1268/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 30/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	220.000	159.400	27.517	27.517	186	186	4.300	4.300	218.400	159.400	27.517	27.517								Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT		
2	Dự án đầu tư xây dựng Bờ kè chống sạt lở khu dân cư thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Năm Căn	826,6 m	2014-2023	1384/QĐ-UBND ngày 06/9/2014; 1764/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	89.741	35.000	25.000	25.000	12.500	12.500	25.000	25.000	35.000	35.000	25.000	25.000								Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT		
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp bến cá Khánh Hội, huyện U Minh	U Minh	700 chiếc/150 CV	2016-2021	1627/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 1614/QĐ-UBND ngày 20/9/2019; 745/QĐ-UBND ngày 07/5/2020; 1064/QĐ-UBND ngày 03/6/2021; 1603/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	140.871	93.864	30.780	7.976	19.934	7.976	30.780	7.976	135.968	93.864	30.780	7.976								Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
4	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	UM, TVT	Các hạng mục	2016-2021	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2095/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 1585/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	73.733	26.000	11.000	1.000	5.338	948	11.000	1.000	52.600	26.000	11.000	1.000								Chi cục Kiểm lâm		
5	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ tỉnh Cà Mau (giai đoạn 2008 - 2010)	U Minh	8.527 ha	2010-2015	936/QĐ-UBND 12/6/2008	144.560	130.104	885	885	877	877	885	885	133.521	49.881	885	885	885							Hoàn trả tạm ứng NSTW Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW		
	<b>b Dự án nhóm C</b>					<b>322.908</b>	<b>302.181</b>	<b>91.862</b>	<b>91.862</b>	<b>83.753</b>	<b>83.753</b>	<b>91.862</b>	<b>91.862</b>	<b>234.743</b>	<b>182.193</b>	<b>95.488</b>	<b>95.488</b>	<b>81.488</b>									
1	Dự án đầu tư khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	Năm Căn	Các hạng mục	2007-2010	469/QĐ-UBND ngày 24/8/2006	46.985	46.985							36.109	7.669	3.528	3.528	3.528							Đã trình Bộ KHĐT tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền bố trí Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 để thu hồi các khoản ứng trước là 3.528 triệu đồng Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW		
2	Dự án khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Phú Tân (Điểm vàm kênh Cái Cấm)	Phú Tân	Các hạng mục	2010-2017	1341/QĐ-UBND 06/8/2009	69.701	67.111							56.846	32.736	98	98	98							Đã trình Bộ KHĐT tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền bố trí Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 để thu hồi các khoản ứng trước là 98 triệu đồng Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2021						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2022				Ghi chú	Chủ đầu tư		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 30/9/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)													Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:									
																Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28			
1	Đề án xây dựng 1.588 cầu giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Các H, TP	1.588 cầu GTNT	2009 - 2010	1642/QĐ-UBND ngày 22/9/2009	452.770	100.000							352.770		100.000	100.000	100.000							Đã trình Bộ KHĐT tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền bố trí Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 để thu hồi các khoản ứng trước là 100.000 triệu đồng	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW		
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây tỉnh Cà Mau (đoạn từ Km18+000 đến cửa biển Gành Hào) và cầu qua sông Cái Nai (Khu kinh tế Năm Căn)	Các huyện: Đầm Dơi, Cái Nước, Năm Căn	CTGT đường cấp II; cầu cấp III, IV.	2017-2022	1473/QĐ-UBND ngày 28/8/2017; 182/QĐ-UBND ngày 02/02/2018; 562/QĐ-UBND ngày 07/4/2020; 2551/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	1.159.718	1.040.000	200.000	200.000	151.665	151.665	200.000	200.000	1.041.450	1.040.000	223.000	223.000								Đã trình Bộ KHĐT tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền điều chỉnh tăng Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ 200.000 triệu đồng lên 223.000 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
(2)	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>					<b>2.924.247</b>	<b>1.833.468</b>	<b>562.398</b>	<b>562.398</b>			<b>344.000</b>	<b>344.000</b>	<b>562.398</b>	<b>562.398</b>	<b>2.924.247</b>	<b>1.833.468</b>			<b>400.000</b>	<b>300.000</b>							
<i>a</i>	<b>Dự án nhóm B</b>					<b>2.924.247</b>	<b>1.833.468</b>	<b>562.398</b>	<b>562.398</b>			<b>344.000</b>	<b>344.000</b>	<b>562.398</b>	<b>562.398</b>	<b>2.924.247</b>	<b>1.833.468</b>			<b>400.000</b>	<b>300.000</b>							
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông - Tây và cầu Gành Hào	ĐD, CN, TVT	18 km, 02 cầu lớn	2021 - 2024	1028/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	2.149.476	1.300.000	562.398	562.398			344.000	344.000	562.398	562.398	2.149.476	1.300.000			250.000	150.000					Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
2	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Xóm Ruộng)	TP.CM, Đầm Dơi	19,2 km	2021 - 2024	2057/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	774.771	533.468									774.771	533.468			150.000	150.000				Đã trình Bộ KHĐT tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ 633.468 triệu đồng xuống còn 533.468 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
(3)	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>					<b>1.496.828</b>	<b>1.203.354</b>									<b>1.496.828</b>	<b>1.203.354</b>			<b>240.000</b>	<b>180.000</b>							
<i>a</i>	<b>Dự án nhóm B</b>					<b>1.496.828</b>	<b>1.203.354</b>									<b>1.496.828</b>	<b>1.203.354</b>			<b>240.000</b>	<b>180.000</b>							
1	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cái Nước - Vàm Đính - Cái Đoi Vàm	Cái Nước, Phú Tân	25,3km, 01 cầu	2022 - 2025	1288/QĐ-UBND ngày 10/7/2021	736.437	623.007									736.437	623.007			130.000	100.000					Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
2	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội	U Minh	18,3km, 03 cầu	2022 - 2025	1289/QĐ-UBND ngày 10/7/2021	760.391	580.347									760.391	580.347			110.000	80.000					Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
<b>E</b>	<b>MỐI TRƯỜNG</b>					<b>567.973</b>	<b>92.758</b>	<b>103.992</b>	<b>492</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>139.260</b>	<b>14.028</b>	<b>532.705</b>	<b>79.222</b>			<b>202.000</b>	<b>40.000</b>							
<b>I</b>	<b>Thực hiện dự án</b>					<b>567.973</b>	<b>92.758</b>	<b>103.992</b>	<b>492</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>139.260</b>	<b>14.028</b>	<b>532.705</b>	<b>79.222</b>			<b>202.000</b>	<b>40.000</b>							
(1)	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>					<b>567.973</b>	<b>92.758</b>	<b>103.992</b>	<b>492</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>139.260</b>	<b>14.028</b>	<b>532.705</b>	<b>79.222</b>			<b>202.000</b>	<b>40.000</b>							
<i>a</i>	<b>Dự án nhóm B</b>					<b>567.973</b>	<b>92.758</b>	<b>103.992</b>	<b>492</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>992</b>	<b>492</b>	<b>139.260</b>	<b>14.028</b>	<b>532.705</b>	<b>79.222</b>			<b>202.000</b>	<b>40.000</b>							
1	Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	Thành phố Cà Mau	8.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	Đến tháng 9/2023	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 1818/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	567.973	92.758	103.992	492	992	492	992	492	139.260	14.028	532.705	79.222			202.000	40.000				Đã kiến nghị điều chỉnh KHV năm 2021 là 126.274 triệu đồng (trong đó, ODA là 103.000 triệu đồng, vốn đối ứng NSTW là 23.274 triệu đồng)	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
<b>F</b>	<b>LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG</b>					<b>416.700</b>	<b>346.585</b>	<b>94.000</b>	<b>94.000</b>	<b>34.093</b>	<b>34.093</b>	<b>71.000</b>	<b>71.000</b>	<b>323.585</b>	<b>323.585</b>	<b>71.000</b>	<b>71.000</b>											
(1)	<b>Các dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</b>					<b>416.700</b>	<b>346.585</b>	<b>94.000</b>	<b>94.000</b>	<b>34.093</b>	<b>34.093</b>	<b>71.000</b>	<b>71.000</b>	<b>323.585</b>	<b>323.585</b>	<b>71.000</b>	<b>71.000</b>											
<i>a</i>	<b>Dự án nhóm B</b>					<b>416.700</b>	<b>346.585</b>	<b>94.000</b>	<b>94.000</b>	<b>34.093</b>	<b>34.093</b>	<b>71.000</b>	<b>71.000</b>	<b>323.585</b>	<b>323.585</b>	<b>71.000</b>	<b>71.000</b>											
1	Dự án xây dựng bến cập tàu Bãi Nhỏ và đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai	Đảo Hòn Khoai, Huyện Ngọc Hiển	Bến cập tàu 400CV; Đường tuần tra cấp VI miền núi: 10,4km	2016-2021	19/QĐ-UBND ngày 03/02/2016; 296/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 244/QĐ-UBND ngày 21/6/2021; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	416.700	346.585	94.000	94.000	34.093	34.093	71.000	71.000	323.585	323.585	71.000	71.000								Đã kiến nghị điều chỉnh giảm KHDTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 23.000 triệu đồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		

PHỤ LỤC II

DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư								Năm 2021										Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KH năm 2022			Ghi chú	Chủ đầu tư						
						TMDT								Kế hoạch			Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 30/9/2021			Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 31/01/2022			Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KH năm 2022											
						Trong đó:								Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:											
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)			Vốn đối ứng nguồn NSTW		Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)
						Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước				Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36		
	<b>TỔNG SỐ</b>						<b>2.081.748</b>	<b>533.892</b>	<b>92.758</b>		<b>1.807.930</b>	<b>1.350.738</b>	<b>357.192</b>	<b>373.466</b>	<b>23.766</b>		<b>265.000</b>	<b>61.900</b>	<b>189</b>		<b>36.310</b>	<b>129.192</b>	<b>492</b>		<b>77.000</b>	<b>2.064.766</b>	<b>193.642</b>		<b>1.202.359</b>	<b>375.000</b>	<b>40.000</b>		<b>275.000</b>				
A	<b>VỐN NƯỚC NGOÀI KHỔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC</b>						<b>2.081.748</b>	<b>533.892</b>	<b>92.758</b>		<b>1.807.930</b>	<b>1.350.738</b>	<b>357.192</b>	<b>373.466</b>	<b>23.766</b>		<b>265.000</b>	<b>61.900</b>	<b>189</b>		<b>36.310</b>	<b>129.192</b>	<b>492</b>		<b>77.000</b>	<b>2.064.766</b>	<b>193.642</b>		<b>1.202.359</b>	<b>375.000</b>	<b>40.000</b>		<b>275.000</b>				
I	<b>MÔI TRƯỜNG</b>						<b>567.973</b>	<b>224.527</b>	<b>92.758</b>		<b>343.446</b>	<b>343.446</b>		<b>127.266</b>	<b>23.766</b>		<b>103.000</b>	<b>689</b>	<b>189</b>			<b>992</b>	<b>492</b>		<b>0</b>	<b>532.705</b>	<b>79.222</b>		<b>330.030</b>	<b>202.000</b>	<b>40.000</b>		<b>160.000</b>				
I	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>						<i>567.973</i>	<i>224.527</i>	<i>92.758</i>		<i>343.446</i>	<i>343.446</i>		<i>127.266</i>	<i>23.766</i>		<i>103.000</i>	<i>689</i>	<i>189</i>			<i>992</i>	<i>492</i>		<i>0</i>	<i>532.705</i>	<i>79.222</i>		<i>330.030</i>	<i>202.000</i>	<i>40.000</i>		<i>160.000</i>				
a	<i>Dự án nhóm B</i>						<i>567.973</i>	<i>224.527</i>	<i>92.758</i>		<i>343.446</i>	<i>343.446</i>		<i>127.266</i>	<i>23.766</i>		<i>103.000</i>	<i>689</i>	<i>189</i>			<i>992</i>	<i>492</i>		<i>0</i>	<i>532.705</i>	<i>79.222</i>		<i>330.030</i>	<i>202.000</i>	<i>40.000</i>		<i>160.000</i>				
(1)	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	7007279	Italia	22.5.2009	2023	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 1818/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	567.973	224.527	92.758	13,6 triệu Euro	343.446	343.446		127.266	23.766		103.000	689	189			992	492		0	532.705	79.222		330.030	202.000	40.000		160.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng			
II	<b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THUY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>						<b>1.513.775</b>	<b>309.365</b>			<b>1.464.484</b>	<b>1.007.292</b>	<b>357.192</b>	<b>246.200</b>			<b>162.000</b>	<b>61.211</b>			<b>36.310</b>	<b>128.200</b>			<b>77.000</b>	<b>1.532.061</b>	<b>114.420</b>		<b>872.329</b>	<b>173.000</b>		<b>115.000</b>					
I	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>						<i>1.023.849</i>	<i>192.945</i>			<i>830.904</i>	<i>633.786</i>	<i>197.118</i>	<i>241.200</i>			<i>162.000</i>	<i>59.592</i>			<i>36.310</i>	<i>123.200</i>			<i>77.000</i>	<i>782.061</i>			<i>498.823</i>	<i>173.000</i>		<i>115.000</i>					
a	<i>Dự án nhóm B</i>						<i>1.023.849</i>	<i>192.945</i>			<i>830.904</i>	<i>633.786</i>	<i>197.118</i>	<i>241.200</i>			<i>162.000</i>	<i>59.592</i>			<i>36.310</i>	<i>123.200</i>			<i>77.000</i>	<i>782.061</i>			<i>498.823</i>	<i>173.000</i>		<i>115.000</i>					
(1)	Tiểu dự án 8: Đầu tư xây dựng CSHT để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL" - ICRSL	7605935	WB	11/07/2016	2022	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016; 1563/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	792.884	135.825		35,59 triệu USD	657.059	459.941	197.118	240.000			161.000	59.592			36.310	123.000			77.000	551.096			324.978	160.000		105.000	Đã kiến nghị điều chỉnh KHV năm 2021 là 117.000 triệu đồng (trong đó, ODA là 84.000 triệu đồng, vốn vay lại NSDP là 33.000 triệu đồng)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
(2)	Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau"	7731818	KFW	27/04/2018	2022	5758/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2017	230.965	57.120		9,3 triệu Euro	173.845	173.845		1.200			1.000					200				230.965			173.845	13.000		10.000	Đã kiến nghị điều chỉnh KHV ODA năm 2021 là 1.000 triệu đồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
2	<b>Danh mục dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</b>						<b>489.926</b>	<b>116.420</b>			<b>633.580</b>	<b>373.506</b>	<b>160.074</b>	<b>5.000</b>				<b>1.619</b>				<b>5.000</b>				<b>750.000</b>	<b>114.420</b>		<b>373.506</b>								
a	<i>Dự án nhóm B</i>						<i>489.926</i>	<i>116.420</i>			<i>633.580</i>	<i>373.506</i>	<i>160.074</i>	<i>5.000</i>				<i>1.619</i>				<i>5.000</i>				<i>750.000</i>	<i>114.420</i>		<i>373.506</i>								
(1)	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đoi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau	7791469	Cơ quan Phát triển Pháp			1135/QĐ-TTg ngày 04/9/2019	489.926	116.420		28,2 triệu Euro	633.580	373.506	160.074	5.000				1.619				5.000				750.000	114.420		373.506					Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			